

Ngày 30/06/2025	14,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.7%	11.0%	13.5%

	Q2/25	
ROE	13.0%	+/- YoY ▲ 27.1%

	Q2/25		
DT thuần	98.0	QoQ ▼ 299 ▼ 75.3%	YoY ▲ 10.5 ▲ 12.0%
	tỷ VNĐ		

	6T 2025	
DT thuần	495	YoY ▲ 197 ▲ 66.2%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN gộp	32.0	QoQ ▼ 67.8 ▼ 67.9%	YoY ▲ 7.40 ▲ 30.2%
	tỷ VNĐ		

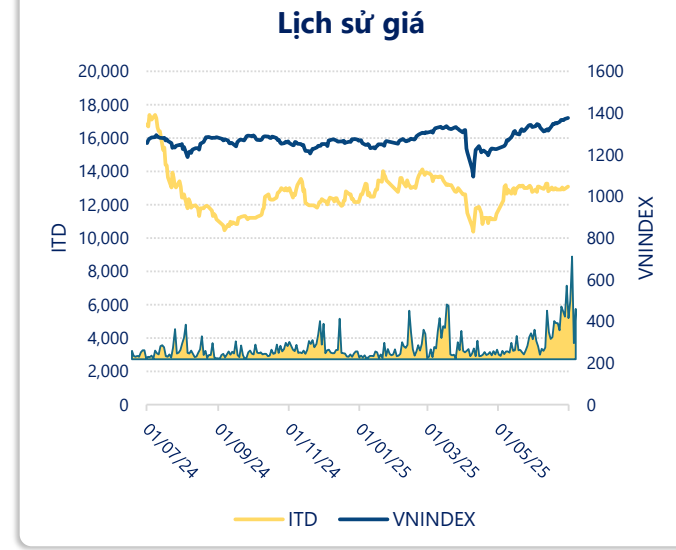
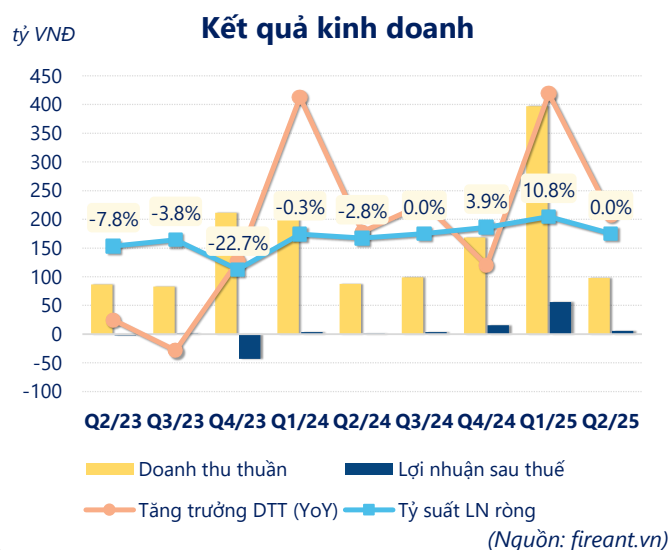
	6T 2025	
LN gộp	132	YoY ▲ 55.9 ▲ 73.2%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN thuần	7.13	QoQ ▼ 53.0 ▼ 88.1%	YoY ▲ 4.42 ▲ 163%
	tỷ VNĐ		

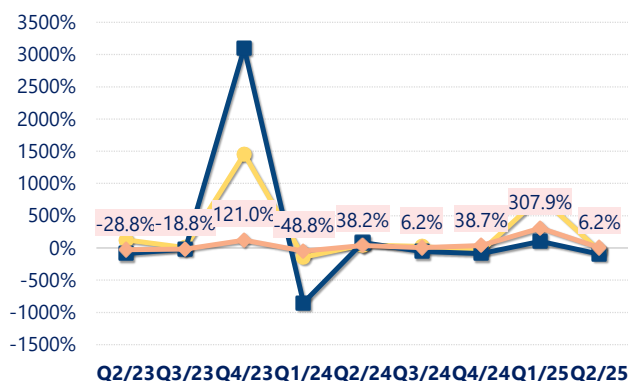
	6T 2025	
LN thuần	67.3	YoY ▲ 60.3 ▲ 856%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN sau thuế	5.40	QoQ ▼ 50.4 ▼ 90.3%	YoY ▲ 4.46 ▲ 475%
	tỷ VNĐ		

	6T 2025	
LN sau thuế	61.2	YoY ▲ 56.6 ▲ 1239%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

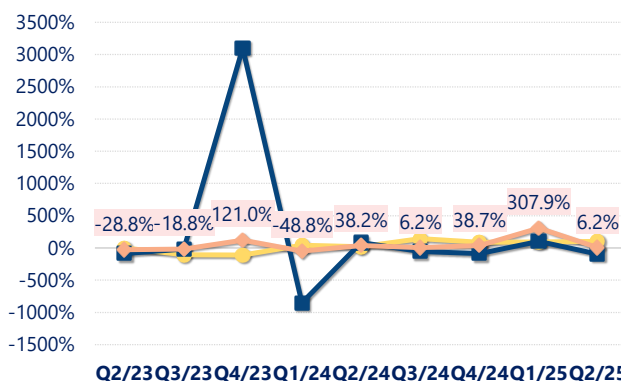


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

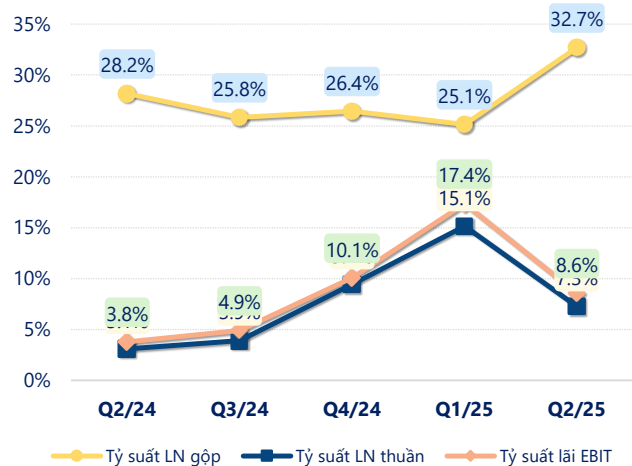


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

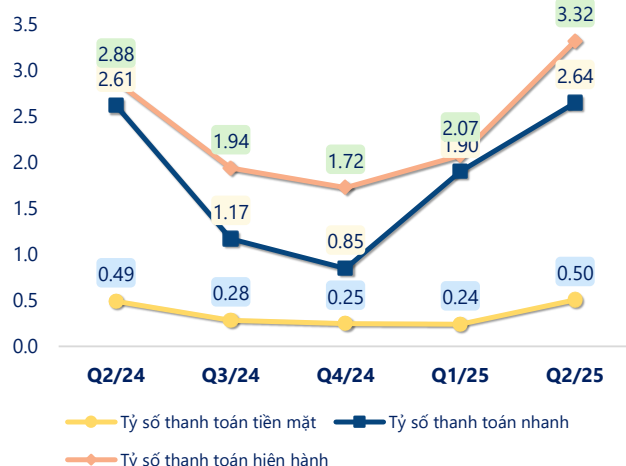


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ suất LN gộp
 — Tỷ suất LN thuần
 — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

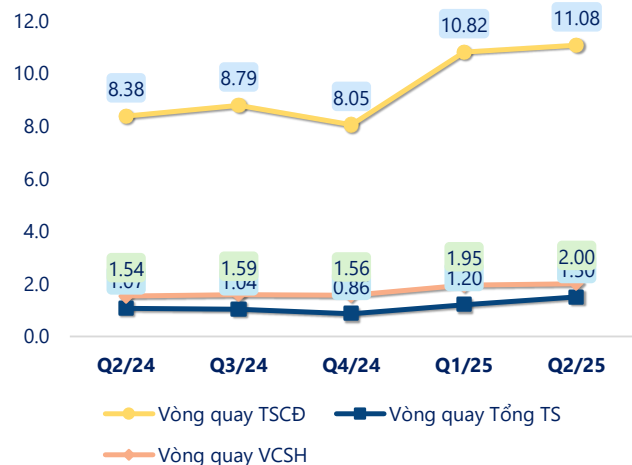


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt
 — Tỷ số thanh toán nhanh
 — Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

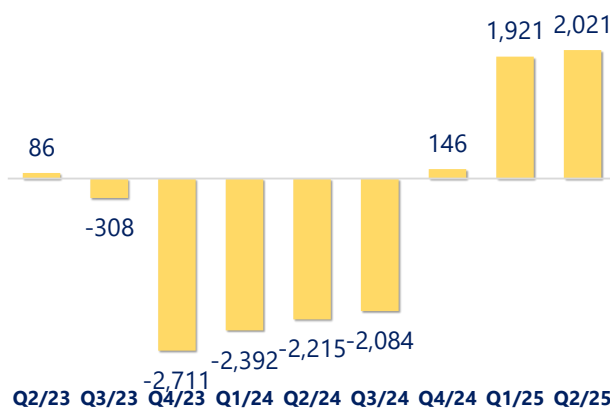


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

— Vòng quay TSCĐ
 — Vòng quay Tổng TS
 — Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	98.0	87.5	12.0%	495	298	66.2%
Giá vốn hàng bán	66.0	62.8	5.1%	363	222	63.7%
Lợi nhuận gộp	32.0	24.6	30.2%	132	76.1	73.2%
Doanh thu HĐTC	1.14	1.62	-29.8%	2.69	3.64	-26.2%
Chi phí TC	1.81	1.08	67.9%	4.57	3.71	23.0%
Chi phí lãi vay	1.23	0.70	75.1%	4.21	2.05	106%
LN trong công ty LKLD	0	-0.58	100%	-0.07	-2.00	96.4%
Chi phí bán hàng	10.9	10.7	1.9%	24.8	24.5	1.0%
Chi phí QLDN	13.3	11.2	18.9%	37.8	42.5	-10.9%
LN thuần từ HĐKD	7.13	2.71	163%	67.3	7.04	856%
Lợi nhuận khác	0.04	-0.10	139%	5.81	1.46	298%
LN trước thuế	7.17	2.61	175%	73.1	8.49	760%
Lợi nhuận sau thuế	5.40	0.94	475%	61.2	4.57	1239%
LNST của CĐ cty mẹ	0.00	-2.45	100%	42.8	-3.07	1493%

(Nguồn: fireant.vn)

